

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng 01 – Đợt 2

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Sông Nhuệ, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 23 – 24/01/2025

Ngày cung cấp TT: 25/01/2025

3. Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Công Liên Mạc	Công Liên Mạc 1 mở thông, Liên Mạc 2 mở 1 cánh.
2	3	Đập Hà Đông	Đập mở.
3	6	Đập Đồng Quan (Thượng lưu)	Đập mở thông.
4	8	Đập Nhật Tựu	Đập mở.
5	9	Công Lương Cỏ	Công mở.
6	13	Đập Thanh Liệt	Đập đóng.
7	14	Kênh Xuân La	Công mở.
8	15	Kênh Phú Đô	Công đóng.
9	16	Kênh tiêu Trung Văn	Công đóng.
10	21	Kênh Yên Xá	Công mở.
11	23	Kênh Hòa Bình	Công đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 23 vị trí.

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi.

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng.

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi, công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ, công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nội, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

*A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): **Không có vị trí nào.***

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Cầu Thần, Đập Nhật Tựu, Cống Lương Cổ, Phũ Lý – cầu Phũ Vân, Kênh Duy Tiên, Kênh Hòa Bình.

*C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: **Các vị trí đạt giới hạn trên**, Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà, Thường Tín.*

*D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: **Các vị trí đạt giới hạn trên**, Cống Liên Mạc, Đập Đồng Quan (Thượng lưu), Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu.*

Không đạt mức D: Cầu Diễn, Đập Hà Đông, Cầu Tó, Cầu Xém, Sông Đăm, Sông Cầu Ngà, Đập Thanh Liệt, Kênh Xuân La, Kênh Phú Đô, Kênh tiêu Trung Văn, Cầu Am, Kênh La Khê, Kênh Yên Xá.

Mở các đập trên dòng chính sông Nhuệ thoát nước lưu ra sông Đáy. Tận dụng mực nước trên sông cao, tăng cường khả năng lấy nước vào hệ thống qua cống Liên Mạc và cống Tắc Giang nhằm tăng khả năng tự làm sạch trong hệ thống.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
1	Cổng Liên Mạc	Đánh giá chất lượng nước vị trí đầu nguồn lấy nước vào hệ thống sông Nhuệ.	Trời mát, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 55%, mật độ mây 100%, gió ĐN 8 km/h. Dòng chảy rất chậm ra sông Hồng. Cổng Liên Mạc 1 mở thông, Liên Mạc 2 mở 1 cánh. Nước màu xanh đen, có hiện tượng phú dưỡng.	7.35	24.9	2.01	0.5	5.905	2.048	602	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
2	Cầu Diễn	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ sau nhập lưu của Sông Đăm, kênh Xuân La vào.	Trời mát, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 100%, gió ĐN 12 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước thấp. Nước màu đen. Trên kênh nhiều rác thải.	7.29	22.1	0.87	0.6	16.239	2.408	715	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
3	Đập Hà Đông	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ sau nhập lưu của sông Đăm, kênh Xuân La, kênh Phú Đô, sông Cầu Ngà, kênh Trung Vãn, kênh La Khê vào.	Trời mát, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 50%, mật độ mây 100%, gió ĐN 8 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu, đập mờ, mực nước thấp. Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.17	18.2	0.4	0.6	23.699	2.003	806	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
4	Cầu Tô	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ từ đập Hà Đông chảy về tiếp nhận nước thải từ kênh Yên Xá, sông Tô Lịch qua	Trời mát, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 55%, mật độ mây 100%, gió ĐN 10 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước thấp. Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.29	20.5	0.7	0.6	18.570	1.598	762	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		đập Thanh Liệt.									
5	Cầu Xém	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ tiếp nhận nước thải từ nội thành đổ về tới cầu Xém.	Trời mát, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 58%, mật độ mây 100%, gió ĐN 10 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước thấp. Trên sông có nhiều rác. Nước màu đen.	7.25	22.9	1.05	0.6	16.084	1.553	706	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
6	Đập Đồng Quan (Thượng lưu)	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ từ cầu Xém xuôi về tiếp nhận nước từ nhánh sông Tô Lịch tại Khánh Hà, Thường Tín	Trời mát, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 100%, gió ĐN 10 km/h. Dòng chảy rất chậm về hạ lưu. Đập mở thông. Nước dang pha giữa hai màu: xanh lục từ hạ lưu đẩy lên và màu đen từ thượng	7.39	31.6	3.26	0.4	6.760	2.903	529	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		QC VN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QC VN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QC VN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QC VN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		và kênh Vân Đình vào.	lưu về.								
7	Cầu Thần	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ. Vị trí này trước diềm chia nước từ dòng chính sông Nhuệ vào kênh Duy Tiên khoảng 150m.	Trời mát, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 69%, mật độ mây 100%, gió ĐN 8 km/h. Dòng chảy chậm ngược về thượng lưu, mực nước thấp. Nước màu xanh, có hiện tượng bị phú dưỡng.	7.46	20.7	5.29	0.3	1.671	3.353	457	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
8	Đập Nhật Tựu	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ tại vị trí lấy mẫu ở thượng lưu đập.	Trời mát, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 77%, mật độ mây 90%, gió ĐN 10 km/h. Dòng chảy chậm lên thượng lưu, đập mở. Mực nước trung bình. Hạ lưu đập dồn ú	7.15	30.2	5.86	0.2	0.707	1.913	426	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			nhiều bèo. Nước màu xanh lục.								
9	Công Lương Cỏ	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ tại vị trí công.	Trời mát, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 76%, mật độ mây 99%, gió ĐN 10 km/h. Cống mở. Dòng chảy chậm ngược lên thượng lưu. Mực nước trung bình. Nước màu xanh lục.	7.1	31.2	6.12	0.2	0.614	2.385	409	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
10	Phủ Lý – cầu Phủ Vân	Đánh giá chất lượng nước tại điểm cuối trên dòng chính sông Nhuệ trước khi sông Nhuệ nhập lưu vào sông Đáy.	Trời mát, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 76%, mật độ mây 99%, gió ĐN 10 km/h. Dòng chảy chậm, nước từ sông Đáy vào vào sông Nhuệ. Mực nước trung bình. Nước màu nâu đục.	7.02	54.9	5.96	0.3	0.785	1.688	402	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
11	Sông Đăm	Đánh giá chất lượng nước trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời mát, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 56%, mật độ mây 100%, gió ĐN 10 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước trung bình. Ngoài sông Nhuệ dòng chảy về hạ lưu. Nước màu xanh đen.	7.31	34.5	1.07	0.5	6.138	2.835	691	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
12	Sông Cầu Ngà	Đánh giá chất lượng nước sông Cầu Ngà, nhánh nhập lưu sông Nhuệ.	Trời mát, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 51%, mật độ mây 100%, gió ĐN 10 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, mực nước thấp. Nước màu nâu đen.	7.25	31.7	0.91	0.6	15.929	1.710	706	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
13	Đập Thanh Liệt	Đánh giá chất lượng nước sông Tô Lịch trước khi đổ	Trời mát, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 55%, mật độ mây 100%, gió ĐN	7.36	15.9	0.39	0.6	24.786	1.373	817	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		vào sông Nhuệ.	10 km/h. Không có dòng chảy. Đập đóng. Nước màu đen.								đạt mức B
14	Kênh Xuân La	Đánh giá chất lượng nước kênh Xuân La trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời mát, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 56%, mật độ mây 100%, gió ĐN 10 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Cổng mở. Trạm bơm không hoạt động. Mực nước thấp. Nước màu vàng đen, mùi hôi thối.	7.59	20.5	1.26	0.6	21.445	2.408	881	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
15	Kênh Phú Đô	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, khổng chế nước thải của làng bún Phú Đô và khu vực	Trời mát, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 55%, mật độ mây 100%, gió ĐN 10 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Cổng đóng. Mực nước thấp.	7.4	20.7	0.76	0.6	23.854	1.913	792	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Mỹ Đình.	Trạm bơm không hoạt động. Nước màu xám đen.								
16	Kênh tiêu Trung Văn	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, không chế nước thải của các khu đô thị, dân cư khu vực Trung Văn, Mỹ Đình.	Trời mát, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 55%, mật độ mây 100%, gió ĐN 10 km/h. Dòng chảy rất chậm ra sông Nhuệ, cống đóng. Mực nước thấp. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu xám đen.	7.29	18.2	0.8	0.6	22.145	2.408	761	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
17	Cầu Am	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, không chế nước thải các khu đô thị dọc tuyến đường Lê Văn	Trời mát, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 52%, mật độ mây 100%, gió ĐN 12 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước thấp. Trên kênh nhiều rác thải. Nước màu	7.26	30.6	0.43	0.6	16.861	1.553	829	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Lương và các khu dân cư quanh khu vực đổ vào.	đen.								
18	Kênh La Khê	Đánh giá chất lượng nước kênh La Khê trước cống tiêu ra sông Đáy, vị trí tại cuối nguồn.	Trời mát, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 52%, mật độ mây 100%, gió ĐN 12 km/h. Không có dòng chảy, mực nước trung bình. Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.28	18.2	0.29	0.6	30.692	2.295	857	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
19	Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, nối sông Nhuệ và sông Đáy.	Trời mát, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 100%, gió ĐN 10 km/h. Dòng chảy chậm từ hướng sông Đáy sang sông Nhuệ. Mực nước thấp. Nước màu nâu đục.	7.3	42.9	3.49	0.3	1.523	2.363	476	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
20	Kênh Duy Tiên	Đánh giá chất lượng nước kênh Duy Tiên, kênh này lấy nước từ sông Nhuệ để tưới cho khu vực các huyện Lý Nhân, Duy Tiên.	Trời mát, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 69%, mật độ mây 100%, gió ĐN 8 km/h. Dòng chảy chậm, nước từ sông Nhuệ vào, mực nước thấp. Nước màu xanh.	7.42	21.9	5.01	0.3	1.624	3.173	469	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
21	Kênh Yên Xá	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ. Vị trí lấy mẫu tại hạ lưu kênh, trước khi đổ ra sông Nhuệ.	Trời mát, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 50%, mật độ mây 100%, gió ĐN 8 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Cống mở tiêu nước ra sông Nhuệ, mực nước thấp. Nước màu xám đen.	7.26	41.6	0.86	0.6	16.861	2.430	872	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
22	Sông Tô Lịch	Đánh giá chất lượng nước	Trời mát, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 58%, mật	7.43	17.2	4.91	0.3	1.601	2.408	470	Các chỉ tiêu

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà, Thường Tín	nhánh của sông Tô Lịch thuộc địa phận xã Khánh Hà huyện Thường Tín đổ vào sông Nhuệ.	độ mây 100%, gió ĐN 10 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, mực nước trung bình. Nước màu xanh, có hiện tượng bị phú dưỡng.								quan trắc hiện trường đạt mức B
23	Kênh Hòa Bình	Đánh giá chất lượng nước kênh Hòa Bình trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời mát, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 55%, mật độ mây 100%, gió ĐN 10 km/h. Không có dòng chảy, cồng đóng. Mực nước cao. Nước màu xanh, có hiện tượng bị phú dưỡng.	7.4	20.7	5.01	0.3	0.746	1.913	406	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Thủy lợi;
- Cty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ;
- Cty TNHH MTV KTCTTL tỉnh Hà Nam;
- Chi cục Thủy lợi Hà Nội;
- Chi cục Thủy lợi Hà Nam;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN, MT.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2025

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

